| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN H**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 186/2024/QĐST-HNGĐ | *H, ngày 10 tháng 7 năm 2024.* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 105/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Kiều D, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp VĐ, xã Long ĐĐ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn*: Anh Võ Minh Q, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp VĐ, xã LĐĐ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2024.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Kiều D, sinh năm 1994, địa chỉ: VĐ, xã Long ĐĐ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và anh Võ Minh Q, sinh năm 1993, địa chỉ: Ấp VĐ, xã Long ĐĐ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lê Kiều D và anh anh Võ Minh Q thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị D và anh Q có 02 con chung tên Võ Khánh U, sinh ngày 06/11/2014 và Võ Tiến Đ, sinh ngày 23/5/2019, hai con hiện do chị D nuôi dưỡng. Chị D và anh Q thống nhất thoả thuận giao hai con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chị D và anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Anh Võ Minh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh Q xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng do các bên đương sự thuận tình ly hôn nên các đương sự phải chịu 50% mức án phí theo quy định (mỗi bên phải chịu 25%). Chị D phải chịu 75.000 đồng đồng, anh Q phải chịu số tiền 75.000 đồng, qua hòa giải chị D tự nguyện chịu án phí cho anh Q. Chị D đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010014 ngày 04/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 150.000 đồng, hoàn trả cho chị D số tiền 150.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- UBND xã LĐĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Ni**